

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 03/2025/LĐ-ST

Ngày 22-5-2025

V/v: tranh chấp bồi thường thiệt
hại do vi phạm hợp đồng đào tạo

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hải Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà
Đinh Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-LĐ,
ngày 10 tháng 2 năm 2025 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do vi phạm
hợp đồng đào tạo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-
LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-
DS, ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH L1.**

Địa chỉ trụ sở: Lô I Khu công nghiệp T, khu K, xã H, huyện A, (nay là
Phường H, quận A) thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Hong K – Chức vụ: Tổng Giám
đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L và ông
Ngô Văn P - Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Đều có mặt.

Đều ở địa chỉ: Số N KĐT V, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Dương Văn C – Luật sư Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị M – Luật sư Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Ông Lưu Thanh H – Luật sư Công ty L2 – Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt.

Đều ở địa chỉ: Số N KĐT V, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng.

2.Bị đơn: Anh **Tô Văn K1**, sinh năm 1985;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đ, thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện ở Hàn Quốc; Vắng mặt.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1964, địa chỉ: Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án , người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/11/2022, Công ty TNHH L1 (Sau đây viết tắt là Công ty L1) ký Hợp đồng lao động số VH005085 với anh Tô Văn K1; loại hợp đồng: Không xác định thời hạn, tính từ ngày 01/11//2022; làm việc tại Công ty L1.

Ngày 24/3/2023, Công ty L1 và anh K1 có ký Hợp đồng đào tạo về việc cử anh K1 đi đào tạo tại Hàn Quốc và Tổng Giám đốc LG đã có quyết định số 89/QĐ-LGITVH ngày 22/1/2024 cử một số lao động đi đào tạo tại Hàn Quốc. Danh sách gồm 44 người lao động trong đó có anh Tô Văn K1.

Hợp đồng đào tạo có các nội dung chính như sau: Địa điểm tổ chức: Nhà máy L3, G-do, Hàn Quốc; thời gian đào tạo: 67 ngày (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 30/3/2024). Chi phí đào tạo bao gồm: Chi phí tổ chức khóa học; vé máy bay; chi phí đi lại; phụ cấp lưu trú và công tác phí; lệ phí visa; chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo; tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động trong thời gian đào tạo và các khoản hỗ trợ khác theo chính sách của LGI. Tổng dự tính chi phí khóa học là: 129.851.359 đồng, trong đó: Tiền lương: 17.913.592 đồng; chi phí vé máy bay: 14.670.000 đồng; công tác phí: 4.355 USD tính theo tiền USD; chi phí bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn): 4.3348.982 đồng; chi phí cấp Visa: 880.000 đồng; tiền ăn: 17.186.974 đồng; phí xe buýt đưa đón: 6.107.667 đồng (152.592 đồng / ngày).

Sau thời gian đào tạo, người lao động cam kết làm việc cho Công ty L1 (một) năm cho thời gian đào tạo từ 60 ngày trở lên. Nếu người lao động vi phạm thời gian cam kết làm việc cho Công ty L1 thì phải bồi thường 100% chi phí đào tạo nếu thời gian làm việc dưới 50% cam kết. Từ 51% - 80% thời gian cam kết thì phải bồi thường 70% chi phí đào tạo; từ 81% đến dưới 100% thời gian cam kết thì phải bồi thường 30% chi phí đào tạo. Ngoài ra, nếu người lao động vi phạm hợp đồng thì sẽ phải chịu khoản tiền phạt gấp 02 (hai) lần chi phí đào tạo.

Để đảm bảo người lao động thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng đào tạo, ngày 22/1/2024, bà Phạm Thị H1 (Mẹ của anh Tô Văn K1) đã ký Hợp đồng bảo lãnh số VH005085/HĐBL-LG với Công ty L1. Theo đó, bà H1 đồng ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH005085/HDDT-LG ký ngày 24/1/2024 giữa anh K1 và Công ty L1, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí khóa đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh. Công ty L1 đã xin Visa, mua vé máy bay khứ hồi hai chiều cho anh K1 với ngày đi là 24/1/2024 và ngày về là 30/3/2024.

Ngày 24/1/2024, Công ty L1 đã đưa anh Tô Văn K1 đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch để tham gia khóa đào tạo. Tại sân bay, Công ty L1 bố trí xe đưa đón, chờ cả đoàn về ký túc xá của Công ty tại địa chỉ: số A, C-ro 2-gil, G-si, G-do, Hàn Quốc.

Ngày 01/02/2024 thì phát hiện anh Tô Văn K1 đã tự ý rời khỏi ký túc xá. Sau đó, Công ty L1 đã liên tục gọi điện thoại liên hệ với anh Tô Văn K1 để thực hiện nghĩa vụ của người lao động theo Hợp đồng lao động và hợp đồng đào tạo nhưng không được. Công ty L1 cũng đã gặp bà Phạm Thị H1 để yêu cầu anh K1 thực hiện nghĩa vụ của người lao động theo Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo nhưng không được. Do K1 đã vi phạm kỷ luật lao động, tự ý bỏ việc, bỏ ra ngoài, cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc, đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật công ty đã 03 lần thông báo yêu cầu anh K1 quay trở lại làm việc vào các ngày 20/2/2024, 06/3/2024, 13/3/2024 và mời tham dự họp kỷ luật vào ngày 25/7/2024. Ngoài việc gửi thư thông báo, đại diện Công ty L1 đã đến nhà anh K1 để thông báo về việc anh K1 tự ý bỏ việc và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động nhưng anh K1 và người bảo lãnh cho anh K1 là bà H1 không hợp tác, không bồi thường. Việc anh K1 đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật, bỏ khóa đào tạo không thông báo đã dẫn tới cả đoàn 44 người lao động được cử sang đào tạo tại Hàn Quốc phải buộc quay trở về Việt Nam gây thiệt hại lớn cho Công ty L1 và ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy tại Việt Nam khi không đào tạo đủ nhân lực để phát triển.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu giải quyết như sau:

1. Yêu cầu bị đơn anh Tô Văn K1 hoàn trả chi phí đào tạo là **28.031.960** đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 14.670.000 đồng; tiền ăn 08 ngày: 2.052.176 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 1.221.536 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng / ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 18.331.771 đồng (08 ngày x 2.291.471 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người.

-Yêu cầu bị đơn anh Tô Văn K1 phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là **56.063.920** đồng (28.031.960 x 2)

Tổng là: **84.095.880đ** (Tám mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi đồng).

2. Buộc bên bảo lãnh là bà Phạm Thị H1 thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh trả cho công ty L1 số tiền **84.095.880đ** (Tám mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi đồng) trong trường hợp anh Tô Văn K1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty L1 số tiền trên.

Đối với bị đơn (anh Tô Văn K1): Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho gia đình anh K1, bà H1 nhưng bị đơn không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có quan điểm trình bày bằng văn bản. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H1 (là mẹ của bị đơn) trình bày: Hiện nay, Công ty L1 khởi kiện tại Tòa án, bà H1 không đồng ý với yêu cầu bồi thường vì bản thân là mẹ của bị đơn không có thu nhập, không phải là người được công ty L1 đưa đi đào tạo, Công ty đưa anh Tô Văn K1 đi nước ngoài thì phải tự chịu trách nhiệm, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị HĐXX 1. Yêu cầu bị đơn anh Tô Văn K1 hoàn trả chi phí đào tạo là **28.031.960** đồng; tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là **56.063.920đ**. Tổng là: **84.095.880đ** (Tám mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi đồng). Buộc bên bảo lãnh là bà Phạm Thị H1 thực hiện nghĩa vụ của bên

bảo lãnh trả cho công ty L1 số tiền **84.095.880đ** (Tám mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi đồng) trong trường hợp anh Tô Văn K1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty L1 số tiền trên.

Anh Tô Văn K1, bà Phạm Thị H1 vắng mặt .

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 84.095.880đ, trường hợp bị đơn anh K1 không thực hiện nghĩa vụ thì bà Phạm Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn (Công ty L1) khởi kiện đối với bị đơn (anh Tô Văn K1) có đăng ký thường trú tại: Đ, thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện này: Hàn Quốc. Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng đào tạo nên thời hiệu khởi kiện là 01 (một) năm. Bên vi phạm có hành vi vi phạm nghĩa vụ từ ngày 31/1/2024, đến ngày 13/8/2024 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 01/6/2021 Công ty L1 ký hợp đồng lao động số VH005085 với anh Tô Văn K1; loại hợp đồng: không xác định thời hạn, tính từ ngày 01/11/2022; làm việc tại Công ty L1; chức danh chuyên môn: Công nhân kỹ thuật. Đây là quan hệ lao động được thiết lập dựa trên hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo điểm a khoản 1 Điều 20 Bộ luật Lao động nên được pháp luật bảo vệ.

[3.1] Ngày 24/3/2023, Công ty L1 ký hợp đồng đào tạo với anh K1 đi đào tạo tại nhà máy L3, G-do, Hàn Quốc. Ngày 24/1/2024, công ty đã đưa anh K1 đã đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch để tham gia khóa đào tạo. Đây là hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động với người lao động theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Lao động. Sau khi sang Hàn Quốc, ngày 01/02/2024, Công ty đã phát hiện anh Tô Văn K1 tự ý rời khỏi ký túc xá từ sáng sớm mà không thấy quay trở lại. Sau đó, Công ty L1 đã liên tục gọi điện thoại liên hệ nhưng không được, công ty L1 cũng đã gặp bà Phạm Thị H1 để yêu cầu anh K1 thực hiện nghĩa vụ của người lao động theo Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo nhưng không được. Do anh K1 tự ý bỏ việc, bỏ đào tạo, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo, vì vậy lỗi được xác định hoàn toàn thuộc về phía anh K1. Việc vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng đào tạo của anh K1 nêu trên dẫn tới ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo và hoạt động sản xuất, kinh doanh gây thiệt hại về chi phí đào tạo và các chi phí khác cho Công ty L1. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả chi phí đào tạo với số tiền là 28.031.968 đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 14.670.000 đồng; tiền ăn 08 ngày: 2.052.176 đồng (từ ngày 24/1/2024 đến ngày 31/1/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 1.221.536 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng / ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 18.331.771 đồng (08 ngày x 2.291.471 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng / người. Tổng là 28.031.960đ. Chi phí trên là những chi phí thực tế mà nguyên đơn đã phải bỏ ra và có các hóa đơn, chứng từ để chứng minh cụ thể. Mặt khác, các chi phí này đã được các bên nêu rõ và thỏa thuận cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng đào tạo và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 của Bộ luật Lao động và Điều 419 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 02 (hai) lần chi phí đào tạo là: 56.063.920 đồng (28.031.960 x 2). Do bị đơn vi phạm Hợp đồng đào tạo, trốn ở lại Hàn Quốc trái phép, gây thiệt hại cho nguyên đơn; căn cứ Điều 7 Hợp đồng đào tạo và Điều 418 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: $28.031.968 + 56.063.936 = 84.095.904$ đồng (làm tròn là: 84.096.000 đồng).

[4] Xét về hợp đồng bảo lãnh: Để đảm bảo người lao động thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng đào tạo, ngày 22/1/2024, bà Phạm Thị H1 đã ký Hợp đồng bảo lãnh số VH005085/HĐBL-LG với Công ty L1. Theo đó, bà H1 đồng ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH005085/HDDT-LG ký ngày 24/1/2024 giữa anh K1 và

Công ty L1, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh thực hiện Hợp đồng đào tạo. Bà H1 thừa nhận việc ký hợp đồng bảo lãnh cho anh K1 là đúng ý chí của bà. Nay công ty L1 khởi kiện anh Tô Văn K1 và được chấp nhận nên anh K1 có nghĩa vụ trả tiền cho công ty L1, trường hợp anh K1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì buộc bà H1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay cho anh K1 toàn bộ nghĩa vụ trên. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật dân sự và điểm c khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng bảo lãnh số VH005085/HĐBL-LG ngày 22/01/2024 giữa công ty L1 và bà Phạm Thị H1.

[5] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20; khoản 3 Điều 40; Điều 62 của Bộ luật Lao động; Điều 418 và Điều 419, 335, 336, 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Buộc bị đơn anh Tô Văn K1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH L1 số tiền chi phí đào tạo là **28.031.960** đồng; T phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là **56.063.920** đồng. Tổng là: **84.095.880đ** (Tám mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi đồng).

-Buộc bên bảo lãnh là bà Phạm Thị H1 thực hiện nghĩa vụ của thay cho bên được bảo lãnh (anh Tô Văn K1) trả cho nguyên đơn Công ty TNHH L1 số tiền **84.095.880đ** (Tám mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi đồng) trong trường hợp anh Tô Văn K1 không thực hiện nghĩa thanh toán tiền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn anh Tô Văn K1 phải chịu 2.523.000 (Hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm.

Trả lại nguyên đơn Công ty TNHH L1 tiền tạm ứng án phí 1.795.000đ (Một triệu bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng) đã nộp, theo B lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000729, ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 (một) tháng; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày. Thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tp. Hải Phòng;
- Các đương sự; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự;
- Lưu: HS, VP, Tòa

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân